

TỔNG HỢP 05 BẢN ÁN HÌNH SỰ VỀ LẠM DỤNG TÍN NHIỆM CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN

STT	Số hiệu bản án	Ngày ban hành	Tòa án	TÊN VÀ NỘI DUNG BẢN ÁN	File Bản án đính kèm
1.	864/2023/HS-PT	16/11/2023	TAND cấp cao tại Hà Nội	<p>Bản án số 864/2023/HS-PT ngày 16/11/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hình sự - Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại Hà Nội - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Giữ nguyên bản án sơ thẩm; Xử phạt bị cáo 16 năm tù. <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Đỗ Thị Ngọc H là nhân viên của Ngân hàng K, chi nhánh H4. H nhận thấy có nhiều khách hàng cần vay tiền mặt để làm thủ tục đáo hạn cho các khoản vay đến hạn mà chưa có khả năng thanh toán nên H cần vay tiền để hỗ trợ cho khách hàng làm thủ tục đáo hạn ngân hàng. Từ năm 2014 đến tháng 3/2017, qua mối quan hệ quen biết, H đã hỏi vay tiền của chị Nguyễn Thị Lan H2, anh Vũ Quang H3, chị Nguyễn Hà L1 và chị Trịnh Thị T1 để làm thủ tục đáo hạn ngân hàng cho khách, hẹn từ 03 đến 05 ngày sẽ hoàn trả. Sau khi hỏi vay được tiền, H bảo chồng là Nguyễn Lê T đến nhà các bị hại lấy tiền mặt hoặc nhận tiền qua tài khoản ngân hàng của T để T rút tiền mặt.</p> <p>Tính từ ngày 06/02/2017 đến ngày 09/3/2017, sau khi vợ chồng Đỗ Thị Ngọc H và Nguyễn Lê T đã vay của các bị hại tổng số tiền 8.925.000.000 đồng thì tối ngày 10/3/2017 T và H bỏ trốn, vứt bỏ sim điện thoại để các bị hại không thể liên lạc được nhằm chiếm đoạt số tiền vay của các bị hại.</p> <p>Tổng số tiền Đỗ Thị Ngọc H và Nguyễn Lê T đã vay của các bị hại là chị Nguyễn Thị Lan H2, anh Vũ Quang H3, chị Nguyễn Hà L1 và chị Trịnh Thị T1 là 8.925.000.000 đồng. Sau đó, do không có tiền trả nợ cho các bị hại nên vợ chồng H, T đã cùng nhau bỏ trốn đi nhiều nơi (sang Lào, về Lào Cai sau đó về huyện T, Hà Nội thuê nhà ở), vứt bỏ sim điện thoại để các bị hại không tìm được nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của các bị hại.</p>	https://drive.google.com/file/d/1GN34_hgiI-33H73FhiqYfxN-0hQJyVIa/view?usp=sharing

				<p>Xác minh tại Ngân hàng K chi nhánh H4: Đỗ Thị Ngọc H làm tại bộ phận Quỹ của Ngân hàng từ năm 2006. Từ ngày 13/3/2017 H không đến cơ quan làm việc, nghỉ việc không có lý do. Ngày 30/3/2017, Ngân hàng đã ra Quyết định buộc thôi việc đối với Đỗ Thị Ngọc H.</p> <p>Tòa Sơ thẩm tuyên:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tuyên bố Đỗ Thị Ngọc H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng: khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đỗ Thị Ngọc H 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Lê T; trách nhiệm dân sự và nghĩa vụ chịu lãi suất trong trường hợp các bị cáo chậm thi hành khoản tiền bồi thường còn lại; xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm; phổ biến về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm và thủ tục thi hành bản án về phần dân sự theo quy định. <p>Tòa Phúc thẩm tuyên:</p> <ol style="list-style-type: none"> Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Ngọc H; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 306/2023/HS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với bị cáo Đỗ Thị Ngọc H. <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ luật Hình sự 2015: khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 	
2.	165/2023/HS-PT	21/11/2023	TAND tỉnh Nghệ An	<p>Bản án số 165/2023/HS-PT ngày 21/11/2023 của TAND tỉnh Nghệ An</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cấp xét xử: Phúc thẩm Loại án: Hình sự 	https://drive.google.com/file/d/1ZoNkwrqr6vb9UF

- Tòa án xét xử: TAND tỉnh Nghệ An
- Áp dụng án lệ: Không
- Thông tin về vụ án: Sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 1 năm 6 tháng tù

Tóm tắt nội dung vụ án:

Bà Đinh Thị T2, đại diện hộ kinh doanh “Hùng T3”, kinh doanh vận tải xe khách giường nằm chạy tuyến N, Nghệ An - Hà Nội và ngược lại, thuê Nguyễn Văn A làm nhân viên phụ xe có nhiệm vụ thu tiền vé xe, thanh toán tiền hàng, tiền đổ dầu xe, cuối ngày về thì tất toán tiền trong ngày cho bà T3. Khoảng đầu năm 2023, A đã chiếm đoạt 06 lần với tổng số tiền 36.900.000 đồng của gia đình bà T3 thông qua việc thanh toán tiền xe hàng ngày, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 03/02/2023, A được giao phụ xe khách BKS: 37B-028.69, xe vào đổ dầu tại cửa hàng X, thành phố V, tỉnh Nghệ An với số tiền 4.350.000 đồng. Sau khi đổ dầu xong thì A đã nói với nhân viên bán xăng dầu là anh Võ Xuân T4 là cho nhà xe nợ tiền dầu và thanh toán ngày hôm sau thì được anh T4 đồng ý. Tuy nhiên, ngày 04/02/2023, sau khi xe 37B-028.69 đi về thì A đã nói với bà Đinh Thị T2 rằng số tiền đổ dầu nói trên đã thanh toán rồi giữ lại số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

Lần thứ hai: Ngày 19/4/2023, xe khách BKS: 37B-028.69 của nhà xe H2 do A làm phụ xe được ông Cao Xuân H thuê vận chuyển 05 hộp các tông từ khu vực Cầu G, thành phố Hà Nội về huyện D, tỉnh Nghệ An với giá 4.580.000 đồng. Ông H đã trả số tiền này cho A. Cùng ngày A và bà T2 thanh toán số tiền tổng hợp lại trong ngày thì A chỉ đưa cho bà T2 tiền vé thu của khách và nói dối số tiền 4.580.000 đồng là tiền hàng của ông H chưa trả và chiếm đoạt số tiền trên của bà T2 tiêu xài.

Lần thứ ba: Vào tối ngày 03/5/2023, A đi phụ xe khách 37B-029.00, đến chiều ngày 04/5/2023, khi xe về A và bà T2 thanh toán số tiền tổng hợp lại trong ngày là 9.100.000 đồng để giao cho bà T2, nhưng A nói dối với bà T2 là số tiền này khách chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của A nhưng do bị lỗi nên hiện tại chưa rút được tiền để thanh toán cho bà T2. Sau đó A đã chiếm đoạt số tiền trên của bà T2 và tiêu xài cá nhân.

Lần thứ tư: Vào tối ngày 04/5/2023, A đi phụ xe khách 37B-029.00, đến chiều ngày 05/5/2023, khi xe về A và bà T2 thanh toán số tiền tổng hợp lại trong ngày là 4.410.000 đồng để giao lại cho bà T2 nhưng A nói dối với bà T2 là số tiền này khách chuyển khoản vào tài khoản của A rồi lấy lý do là tài khoản đang bị lỗi nên chưa rút tiền để thanh toán cho bà T2 được để chiếm đoạt số tiền trên của bà T2.

Lần thứ năm: Vào tối ngày 05/5/2023, A đi phụ xe khách 37B-029.00, đến chiều ngày 06/5/2023 xe về A và bà T2 thanh toán số tiền tổng hợp lại trong ngày là 6.030.000 đồng để giao cho bà T2 nhưng A nói với bà T2 là số tiền này khách chuyển khoản vào tài khoản của mình nhưng do tài khoản đang bị lỗi nên chưa rút tiền để thanh toán cho bà

[vQeppr9u](#)
[WWrajN6](#)
[hxxk/view?](#)
[usp=shari](#)
[ng](#)

T2 được và chiếm đoạt số tiền trên để tiêu xài cá nhân.

Lần thứ sáu: Vào tối ngày 06/5/2023, A đi phụ xe khách 37B-029.00, đến chiều ngày 07/5/2023 xe về A và bà T2 thanh toán số tiền tổng hợp lại trong ngày là 8.430.000 đồng để giao cho bà T2 nhưng A vẫn nói với bà T2 là số tiền này khách chuyển khoản vào tài khoản của mình nhưng do tài khoản đang bị lỗi nên chưa rút tiền để thanh toán cho bà T2 được và chiếm đoạt số tiền trên để tiêu xài cá nhân.

Bà T2 liên lạc, gọi điện thoại cho A để làm rõ nhưng A cố tình tắt máy, không liên lạc được nên ngày 09/5/2023 đã làm đơn tố cáo hành vi của Nguyễn Văn A đến Cơ quan điều tra - Công an huyện N. Cùng ngày, A đến Công an huyện N để đầu thú hành vi phạm tội của mình. Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An truy tố Nguyễn Văn A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự theo cáo trạng số 44/CT-VKSND ngày 31 tháng 7 năm 2023

Tòa Sơ thẩm tuyên:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A **02 (Hai) năm tù** về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 09 tháng 5 năm 2023 đến ngày 12 tháng 5 năm 2023. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Tòa Phúc thẩm tuyên:

- 1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A; sửa bản án sơ thẩm.
- 2. Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A **01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 5 năm 2023.

Cơ sở pháp lý:

- 1. Bộ luật Hình sự 2015: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38
- 2. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: điểm b khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357
- 3. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

3.	48/2024/ HS-PT	29/02/2024	TAND tỉnh Đắk Lắk	<p>Bản án số 48/2024/HS-PT ngày 29/02/2024 của TAND tỉnh Đắk Lắk</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cấp xét xử: Phúc thẩm- Loại án: Hình sự- Tòa án xét xử: TAND tỉnh Đắk Lắk- Áp dụng án lệ: Không- Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo; xử phạt bị cáo 15 tháng tù <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Ngày 06/9/2021, Võ Minh T đến nhà bố vợ là ông Y K Mlô ở Buôn D, xã C, huyện B hỏi mượn xe mô tô của ông Y K để đi lại. Ông Y K đồng ý cho T mượn xe và giao giấy tờ xe cho T. Sau đó, T điều khiển xe mô tô nói trên xuống Đồng Nai để sử dụng. Vì không có tiền tiêu xài nên T đã tự ý đem bán xe mô tô của ông Y K cho một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch ở thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 15.000.000 đồng. Số tiền này T đã sử dụng hết.</p> <p>Tòa Sơ thẩm tuyên:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Tuyên Tuyên bố: Bị cáo Võ Minh T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Minh T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, ngày 18/12/2023.3. Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự; án phí và quyền kháng cáo. <p>Tòa Phúc thẩm tuyên:</p> <p>Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Minh T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.</p> <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Bộ luật Hình sự 2015: điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38	https://drive.google.com/file/d/1aDvGQ28YN10aBHcuhb7eW0Se7JcTWaW0/view?usp=sharing
----	-------------------	------------	----------------------	--	---

				<p>2. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356</p> <p>3. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: điểm b khoản 2 Điều 23</p>	
4.	21/2024/HS-PT	28/02/2024	TAND tỉnh Bình Dương	<p>Bản án số 21/2024/HS-PT ngày 28/02/2024 của TAND tỉnh Bình Dương</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hình sự - Tòa án xét xử: TAND tỉnh Bình Dương - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo 02 năm tù <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Khoảng đầu tháng 5/2021, ông Nguyễn Đình D có nhu cầu xây dựng nhà ở tại khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, do đất sở chung nên không đủ điều kiện cấp giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền nên ông D liên hệ với Nguyễn Chí C, là bạn bè quen biết nhờ xin cơ quan có thẩm quyền cho D xây nhà thì C đồng ý. C nói D đưa số tiền là 100.000.000 đồng để C đi xin cho D xây nhà.</p> <p>Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 30/5/2021, Ông D gặp C đưa trước cho C số tiền 30.000.000 đồng.</p> <p>Ngày 02/6/2021, Nguyễn Chí C điều khiển xe ô tô 7 chỗ đến chở ông D cùng bà Cao Thị N (vợ ông D) đến Văn phòng T2, địa chỉ số B đường B, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D để vợ chồng ông D làm thủ tục mua đất, trên đường đi về ông D đưa tiếp 70.000.000 đồng cho C để nhờ xin xây dựng nhà. Đến 17 giờ cùng ngày, C điện thoại hẹn gặp ông Đoàn Đình T1, là cán bộ quản lý trật tự đô thị phường B tại quán cafe (không rõ tên). C xin ông T1 cho ông D xây dựng nhà trên lô đất vừa nhận chuyển nhượng và C tự mình lấy số tiền 50.000.000 đồng đưa cho ông T1 nhưng ông T1 trả lời là đất sở chung không đủ điều kiện xin giấy phép xây dựng và không nhận số tiền 50.000.000 đồng từ C.</p> <p>Đến ngày 03/06/2021, C điện thoại báo cho ông D biết là đã xin cho ông D xây nhà được rồi, kêu ông D tiến hành xây nhà. Đến ngày 11/6/2021, khi ông D đang xây dựng nhà thì bị lực lượng quản lý đô thị phường B đến kiểm tra</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/1XSck8Wzs_41Kf4E3ByzMn07x2uInV2R/view?usp=sharing</p>

công trình xây dựng, do không có giấy phép xây dựng nên công trình của ông D bị đình chỉ, buộc tháo dỡ công trình. Lúc này, ông D gọi điện báo cho C biết. Đến ngày 14/6/2021, ông D hẹn gặp C tại nhà của D, để yêu cầu trả lại số tiền, C hẹn 10 ngày sau sẽ trả tiền cho ông D. Nhưng sau đó C trốn khỏi địa phương, cắt mọi liên lạc với ông D để chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của ông D.

Đến khoảng 09 giờ ngày 30/06/2022, ông D gặp C tại chợ D1 và tiếp tục yêu cầu C trả lại tiền, nhưng C nói dối với ông D là đã liên hệ với bên nhận lo cho ông D xây nhà, người ta không trả lại tiền nói “tiền mất tật mang”, nên giờ C chỉ trả lại cho ông D 50.000.000 đồng nhưng ông D không đồng ý. C hẹn ông D ngày 15/07/2022 qua nhà C để lấy tiền. Đến ngày 15/7/2022, ông Nguyễn Đình D đến nhà C tại địa chỉ số G khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì không gặp và không liên lạc được với C.

Đến ngày 22/10/2022, ông D sau nhiều lần liên hệ nhưng không liên lạc được và không thấy C trả tiền, nên ông D làm đơn trình báo Công an phường B, lập hồ sơ chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố D thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, không có cơ sở xác định ông Đoàn Đình T1 có nhận số tiền 50.000.000 đồng từ Nguyễn Chí C nên không xem xét xử lý đối với ông Đoàn Đình T1.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.
2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí C **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.
3. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tòa Phúc thẩm tuyên:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí C, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 286/2023/HS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương như sau:
2. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí C, phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

				<p>3. Về hình phạt: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Chí C 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.</p> <p>4. Tiếp tục áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 193/2023/HSSTLCĐKNCT ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương, kể từ khi tuyên án đến khi bị cáo Nguyễn Chí C đi chấp hành án phạt tù.</p> <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ luật Hình sự 2015: điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án 	
5.	33/2024/HS-PT	07/03/2024	TAND tỉnh An Giang	<p>Bản án số 33/2024/HS-PT ngày 07/03/2024 của TAND tỉnh An Giang</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cấp xét xử: Phúc thẩm Loại án: Hình sự Tòa án xét xử: TAND tỉnh An Giang Áp dụng án lệ: Không Thông tin về vụ án: Y án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Hộ kinh doanh Võ Hoài T1 do cá nhân anh T1 là chủ, kinh doanh tiệm B tại số G, khóm Đ, phường Đ, thành phố L. Tháng 4 năm 2023 anh T1 thuê nhiều nhân viên nhưng không ký kết hợp đồng lao động, gồm: Đỗ Quốc Trang, Nguyễn Thị Trúc N2, Nguyễn Thị Ngọc C. Anh T1 phân công Trang quản lý chung, hàng ngày đưa 25.000.000 đồng cho N2 để N2 mua nguyên liệu và thanh toán các khoản chi khác, đến cuối ngày N2 đưa lại tiền thừa cho T; C làm nhiệm vụ thu tiền bán hàng và giao lại cho T để tổng hợp thu, chi, tính lợi nhuận. Trang giữ lại 25.000.000 đồng dùng để chi cho hoạt động của tiệm vào ngày hôm sau và chuyển số tiền còn lại cho anh T1 qua tài khoản ngân</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/19ne6TyHOICdXhue_Lsa6zioub-m-1Lcv/view?usp=sharing</p>

hàng. Do Trạng không chuyển tiền cho anh T1 từ ngày 24 đến ngày 27 tháng 4 năm 2023 và không đưa tiền cho N2 ngày 28 tháng 4 năm 2023 nên ngày 28 tháng 4 năm 2023 anh T1 đến Công an phường Đ tố giác hành vi phạm tội của T. Đến 16 giờ 40 ngày 28 tháng 4 năm 2023, T đến Công an phường Đ đầu thú và tự khai nhận đã dùng số tiền trên để nhiều lần thực hiện hành vi đánh bạc trên trang web www.tbabb535.com và cung cấp các sao kê đánh bạc cho cơ quan công an.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

Xử phạt bị cáo Đỗ Quốc T 02 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, 03 năm tù về tội “Đánh bạc”, Tổng hợp hình phạt là **05 năm 06 tháng tù** theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, c khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tòa Phúc thẩm tuyên:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Quốc T.
2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 154/2023/HSST ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Cơ sở pháp lý:

1. Bộ luật Hình sự 2015: điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, c khoản 2 Điều 321
2. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356
3. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án